

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2025/HS-ST

Ngày: 10-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Danh

Ông Nguyễn Văn Cao

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2025/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Thị Minh T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09/10/1970 tại T; nơi ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Chỗ ở: Nhà trọ A, đường số XX, khu phố Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh L; nghề nghiệp: Buôn bán tạp hóa; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh H (chết) và bà Nguyễn Thị M, chồng Võ Văn K và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 28/12/2024 chuyển tạm giam cho đến nay, tại Phân trại tạm giam khu vực B (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phan Công B, sinh năm 1993. Địa chỉ: XYZN, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh L. (vắng mặt);

2. Lê Văn V, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt);

3. Trương Quốc H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp Y, xã L, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt);

4. Phạm Văn Bảo T, sinh năm 2001 Địa chỉ: Ấp Z, xã A, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt);

- Người chứng kiến: Nguyễn Trí N, Dương Tấn Đ. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2005, Lê Thị Minh T đến sinh sống và đi làm tại thị trấn B, huyện B, đến đầu năm 2020 T nghỉ việc chuyển sang bán tạp hóa và sinh sống tại phòng trọ số QQ Nhà trọ A, Đường số ZZ, Khu phố P, thị trấn B, huyện B cho đến nay. Khoảng năm 2021, T đi về quê ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T có đi khám sức khỏe tại Bệnh viện huyện C, tỉnh T, tại đây T gặp người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ nhân thân lai lịch), qua nói chuyện T biết người đàn ông có sử dụng và bán ma túy. Đến khoảng đầu năm 2024, T gặp khó khăn và thấy khu vực Khu phố Y, thị trấn B có nhiều đối tượng sử dụng ma túy nên nảy sinh ý định mua ma túy từ người đàn ông gặp ở Bệnh viện huyện C về bán kiếm lời. Cuối tháng 7/2024 (không nhớ rõ ngày cụ thể), T đến Bệnh viện huyện C tìm gặp người đàn ông bán ma túy để mua 5.000.000đ ma túy đem về phòng trọ số QQ Nhà trọ A, T dùng chày gỗ (loại chày gỗ giả tiêu) giả ma túy ra thành từng viên nhỏ, bỏ vào từng túi nylon nhỏ có trọng lượng khác nhau đem bán cho các đối tượng sử dụng ma túy với giá từ 200.000đ đến 500.000đ để kiếm lời. T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen gắn 02 sim điện thoại số 0783843993 và số 0383949289 để liên lạc với các đối tượng sử dụng ma túy. Khi các đối tượng điện thoại mua ma túy, T sử dụng xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 63B4-613.41 hẹn đến chỗ vắng, không có camera giám sát để giao ma túy. T đã bán ma túy cho Phạm Văn Bảo T 03 lần, mỗi lần 01 bịch ma túy 200.000đ; Trương Quốc H 03 lần, mỗi lần 01 bịch ma túy 200.000đ; Phan Công B 03 lần, mỗi lần 01 bịch ma túy 200.000đ; Lê Văn V 03 lần, mỗi lần 01 bịch ma túy 200.000đ và nhiều đối tượng sử dụng ma túy chưa rõ nhân thân lai lịch, T bán hết ma túy thu được 8.000.000đ, thu lợi bất chính 3.000.000đ.

Khoảng tháng 12/2024, T tiếp tục đến Bệnh viện huyện C gặp người đàn ông mua 5.000.000đ ma túy đã đem về phòng trọ số QQ Nhà trọ A phân nhỏ ma túy bán kiếm lời. Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 18/12/2024, T đang ở phòng trọ nhận được điện thoại gọi vào số 0383949289 để hỏi mua ma túy giá 300.000đ, T đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại Chợ T, Khu phố Y, thị trấn B. T lấy 27 túi nylon nhỏ chứa ma túy đem theo, trong đó: 25 túi nylon nhỏ chứa ma túy giấu vào bên trong áo lót T đang mặc; 02 túi nylon mini chứa ma túy bỏ vào 02 túi nylon màu đen, T cầm 01 túi nylon màu đen bên tay trái, còn 01 túi T cột vào

tay thắng phải xe mô tô biển số 63B4-613.41, sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 63B4-613.41 đến điểm hẹn giao ma túy. Khi T điều khiển xe đến Đường số 7, Khu dân cư T, Khu phố Y, thị trấn B bị Công an thị trấn B tiến hành kiểm tra hành chính thì phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng niêm phong gồm: 25 túi nilon chứa chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ bên trong áo ngực của Lê Thị Minh T (niêm phong bì thư số 01); 01 túi nilon chứa chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ bên trên tay trái của Lê Thị Minh T (niêm phong bì thư số 02); 01 túi nilon chứa chất tinh thể rắn màu trắng thu giữ trên thắng bên phải xe mô tô biển số 63B4-613.41 (niêm phong bì thư số 03);

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen của Lê Thị Minh T sử dụng liên lạc khi phạm tội; 01 chày đâm tiêu bằng gỗ dài 18cm, đường kính đầu chày 03cm của Lê Thị Minh T sử dụng phân ma túy; xe mô tô biển số 63B4-613.41 thuộc sở hữu của Lê Thị Minh T làm phương tiện bán ma túy; Tiền Việt Nam: 1.250.000đ.

Tại Kết luận giám định số 867/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L, giám định và kết luận:

Bì thư ký hiệu số 1: Tinh thể màu trắng đựng trong 25 túi nylon có rãnh khếp được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 6,8661 gam, loại Methamphetamine.

Bì thư ký hiệu số 2: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khếp viền đỏ được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,3479 gam loại Methamphetamine.

Bì thư ký hiệu số 3: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khếp viền xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,2286 gam loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 6,5901 gam (bì thư ký hiệu số 01); 0, 2478 gam (bì thư ký hiệu số 02); 0,1482 gam (bì thư ký hiệu số 03) và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKSBL ngày 22/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Lê Thị Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Minh T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định,

đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên toà vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị Minh T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Minh T quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 6,5901 gam (bì thư ký hiệu số 01); 0, 2478 gam (bì thư ký hiệu số 02); 0,1482 gam (bì thư ký hiệu số 03) và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong; 01 chày đâm tiêu bằng gỗ dài 18cm, đường kính đầu chày 03cm của Lê Thị Minh T sử dụng phân ma túy.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen của Lê Thị Minh T sử dụng liên lạc khi phạm tội; xe mô tô biển số 63B4-613.41 thuộc sở hữu của Lê Thị Minh T làm phương tiện bán ma túy. Buộc bị cáo nộp 3.000.000đồng tiền thu lợi bất chính có khấu trừ số tiền tạm giữ khi bắt quả tang 1.250.000đ. Bị cáo còn phải nộp tiếp 1.750.000đồng.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lê Thị Minh T không xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Phan Công B, Lê Văn V, Trương Quốc H, Phạm Văn Bảo T mua ma túy của Lê Thị Minh T sử dụng trái phép. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L chuyển hồ sơ đến Công an Thị trấn B và Công an xã T lập hồ sơ xử lý theo quy định.

Đối với Võ Văn H sống chung phòng với Lê Thị Minh T không biết, không tham gia giúp T phân chia ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L không xem xét trách nhiệm hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là những người mua ma túy của bị cáo T sử dụng, người chứng kiến trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 19 giờ 40 phút ngày 18 tháng 12 năm 2024, Biên bản khám xét tại chỗ ở của bị cáo T vào lúc 21 giờ 10 phút cùng ngày, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng với bản Kết luận giám định số 867/KL-KTHS ngày 24/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh L và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Khoảng cuối tháng 7/2024, bị cáo Lê Thị Minh T đến trước cổng Bệnh viện huyện C, tỉnh T gặp người đàn ông (không rõ lai lịch) mua 5.000.000đ ma túy đá đem về phòng trọ số QQ Nhà trọ A, Đường số 12, Khu phố 8, thị trấn B, huyện B dùng chày gỗ giả nhỏ ma túy, sau đó chia ma túy vào từng túi nylon nhỏ đem bán với giá 200.000đ đến 500.000đ. Bị cáo T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen gắn 02 sim điện thoại số 0783843993 và số 0383949289 và xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 63B4-613.41 làm phương tiện liên lạc và giao ma túy. Bị cáo bán ma túy cho Phạm Văn Bảo T 03 lần, Trương Quốc H 03 lần, Phan Công B 03 lần, Lê Văn V 03 lần và nhiều đối tượng sử dụng ma túy chưa rõ nhân thân lai lịch thu được 8.000.000đ, thu lợi bất chính 3.000.000đ.

Đến tháng 12/2024, bị cáo T tiếp tục mua 5.000.000đ ma túy từ người đàn ông trước cổng Bệnh viện huyện C đem về phòng trọ số QQ Nhà trọ A phân chia nhiều túi mylon nhỏ để bán. Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 18/12/2024, bị

cáo T đang điều khiển xe mô tô biển số 63B4-613.41 trên Đường số P, Khu dân cư T, Khu phố Y, thị trấn B để đi giao ma túy thì bị Công an thị trấn B kiểm tra bắt quả tang bị cáo giấu 25 túi nylon chứa ma túy có khối lượng 6,8661 gam, loại Methamphetamine vào bên trong áo lót, bị cáo cầm 01 túi nylon màu đen bên tay trái là ma túy có khối lượng 0,3479 gam loại Methamphetamine, và 01 túi là ma túy có khối lượng 0,2286 gam loại Methamphetamine bị cáo cột vào tay thắng xe mô tô biển số 63B4-613.41. Qua kết quả giám định tổng trọng lượng ma túy thu giữ là 7,4426 gam loại Methamphetamine.

Từ những căn cứ trên, xét thấy hành vi của bị cáo Lê Thị Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung theo quy định tại điểm i, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Khi thực hiện hành vi, bị cáo Lê Thị Minh T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của ma túy đối với xã hội và bản thân bị cáo. Hành vi trái pháp luật của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cũng thừa biết ma túy là chất độc hại, gây nghiện làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và thể chất con người nên Nhà nước thống nhất quản lý và nghiêm cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vì mục đích lợi nhuận nên bị cáo mua ma túy về cất giấu trái phép, mục đích để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển nòi giống của dân tộc, là tác nhân gây ra bệnh HIV, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Thị Minh T có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Minh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội bị cáo Lê Thị Minh T còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo trình bày không có công việc ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 6,5901 gam (bì thư ký hiệu số 01); 0,2478 gam (bì thư ký hiệu số 02); 0,1482 gam (bì thư ký hiệu số 03) là ma túy nên tịch thu tiêu hủy

- Vỏ bao đựng mẫu được niêm phong; 01 chày đâm tiêu bằng gỗ dài 18cm, đường kính đầu chày 03cm là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen; xe mô tô biển số 63B4-613.41 thuộc sở hữu của bị cáo Lê Thị Minh T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách

[7] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000đồng thu lợi bất chính có khấu trừ số tiền tạm giữ khi bắt quả tang 1.250.000đ. Bị cáo T còn phải nộp tiếp 1.750.000đồng.

[8] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lê Thị Minh T không xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau nên không xem xét.

[9] Đối với Phan Công B, Lê Văn V, Trương Quốc H, Phạm Văn Bảo T mua ma túy của Lê Thị Minh T sử dụng trái phép. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L chuyển hồ sơ đến Công an Thị trấn B và Công an xã T lập hồ sơ xử lý theo quy định nên không xem xét.

[10] Đối với Võ Văn H sống chung phòng với bị cáo T không biết, không tham gia giúp bị cáo phân chia ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L không xem xét trách nhiệm hình sự nên không xem xét.

[11] Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 19/12/2024.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thị Minh T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (10/6/2025) để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 6,5901 gam (bì thư ký hiệu số 01); 0, 2478 gam (bì thư ký hiệu số 02); 0,1482 gam (bì thư ký hiệu số 03); vỏ bao đựng mẫu được niêm phong; 01 chày đâm tiêu bằng gỗ dài 18cm, đường kính đầu chày 03cm

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen; 01 xe mô tô biển số 63B4-613.41

3. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000đồng thu lợi bất chính có khấu trừ số tiền tạm giữ khi bắt quả tang 1.250.000đ. Bị cáo T còn phải nộp tiếp 1.750.000đồng.

(Vật chứng và tiền nêu trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng và giấy nộp tiền cùng ngày 05/6/2025).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo Lê Thị Minh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh L;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L;
- Phân trại tạm giam khu vực B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thanh